

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 230/2020/DS-PT

Ngày 29 - 12 - 2020

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn

Các thẩm phán:

1. Ông Văn Công Dân

2. ông Y Phi Kbuôr

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 257/2020/DS - PT về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án sơ thẩm 22/2020/DS-ST ngày 24/9/2020 của Tòa án nhân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 241/2020/QĐ-PT ngày 23 tháng 11 năm 2020. Và Quyết định hoãn phiên tòa số 225/2020/QĐ-PT ngày 11 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn Q; địa chỉ: xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Y và bà H; địa chỉ: Xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (đều vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Y: Bà Lương Thị H1; địa chỉ: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.(có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Y .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn trình bày: Tôi với vợ chồng ông Y và bà H chỉ có quan hệ vay mượn tài sản, ngoài ra chúng tôi không có quan hệ nào khác. Từ năm 2018 đến nay ông Y và bà H đã vay đi vay lại của tôi rất nhiều lần với nhiều khoản tiền khác nhau.

Vào ngày 16/01/2019 tôi có cho ông Y và bà H vay số tiền 110.000.000đ, khi vay hai bên thỏa thuận miệng với nhau lãi suất 2%/tháng, vợ chồng ông Y và bà H có ghi giấy biên nhận cho tôi giữ và hẹn trong vòng 01 tháng tính từ ngày 16/01/2019 sẽ trả. Tuy nhiên từ đó đến nay ông Y và bà H chưa trả được cho tôi khoản tiền gốc hay lãi nào cả. Tôi đã đòi nhiều lần nhưng không có kết quả, việc ông Y và bà H không trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của tôi. Do đó, tôi đề nghị Tòa án buộc vợ chồng ông Y và bà H phải trả cho tôi số nợ gốc là 110.000.000đ và khoản tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Y và người đại diện theo ủy quyền bà Lương Thị H1 trình bày: Chúng tôi và ông Lê Văn Q chỉ có quan hệ vay mượn, ngoài ra chúng tôi không có quan hệ nào khác. Ngày 08/12/2018 vợ chồng tôi có vay của ông Q số tiền 35.000.000đ, sau khi vay do chưa có tiền trả nên ông Q đã tính lãi trên số tiền vay này, cộng cả gốc lẫn lãi thành số tiền 57.750.000đ và yêu cầu vợ chồng tôi phải ký vào giấy vay ngày 06/5/2018 với số tiền 57.750.000đ. Thực tế thì giấy vay số tiền 35.000.000đ chúng tôi ký trước, còn giấy vay ngày 06/5/2018 là do ông Q tự ghi ngày, khi ký chúng tôi không để ý nên không phát hiện ra.

Sau khi ký vào giấy vay 57.750.000đ vợ chồng tôi vẫn không có tiền trả cho ông Q nên đến ngày 16/01/2019 ông Q lại tính lãi trên số tiền 57.750.000đ, cộng cả gốc lẫn lãi thành số tiền 110.000.000đ và yêu cầu vợ chồng tôi ký giấy vay mới với số tiền vay là 110.000.000đ, giấy vay này do ông Q đang giữ. Chúng tôi thừa nhận chữ ký trong giấy vay này là do vợ chồng tôi (Y và bà H) viết và ký tên người vay, tuy nhiên việc viết giấy này là do bị ép buộc chứ chúng tôi không tự nguyện viết ra.

Nay ông Lê Văn Q khởi kiện buộc vợ chồng tôi phải trả số tiền nợ gốc 110.000.000đ thì chúng tôi không đồng ý, chúng tôi chỉ đồng ý trả số nợ gốc là 35.000.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà H trình bày: Tôi hoàn toàn đồng ý với lời khai của chồng tôi là Y, việc vay mượn tiền đúng như ông Y đã khai. Nay ông Lê Văn Q khởi kiện buộc vợ chồng tôi phải trả số tiền 110.000.000đ nợ gốc thì chúng tôi không đồng ý,

chúng tôi chỉ đồng ý trả số nợ gốc là 35.000.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Tại bản án sơ thẩm số 22/2020/DSST ngày 24/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 6, Điều 18, khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Q.

Buộc ông Y và bà H phải trả cho ông Lê Văn Q số nợ gốc 110.000.000đ và nợ lãi 18.503.466 đồng. Tổng số nợ phải trả là 128.503.466 đồng (Một trăm hai mươi tám triệu năm trăm lẻ ba ngàn bốn trăm sáu mươi sáu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/10/2020 bị đơn ông Y kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm để đảm bảo quyền lợi cho gia đình ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vắng mặt; bị đơn bà H vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Y là bà Lương Thị H1 có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Y – giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 22/2020/DS-

ST ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu, chứng cứ lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bị đơn ông Y làm trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp pháp nên được xem xét giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay nguyên đơn ông Lê Văn Q, bị đơn bà H vắng mặt; người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Y có kháng cáo là bà Lương Thị H1 đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn ông Lê Văn Q khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Y và bà H trả số nợ gốc 110.000.000đ và lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật. Cùng với việc khởi kiện nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án 01 giấy vay tiền đề ngày 16/01/2019 do ông Y và H ký vay của ông Q số tiền 110.000.000đ, thời hạn vay là 01 tháng. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn thừa nhận chữ ký và chữ viết trong giấy vay tiền lập ngày 16/01/2019 là chữ ký và chữ viết của bị đơn. Do đó, ông Q khởi kiện và cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là hợp pháp; Bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để buộc vợ chồng ông Y và bà H phải trả số nợ gốc 110.000.000đ và lãi suất phát sinh là có căn cứ.

[2.2] Xét lời khai của bị đơn ông Y và bà H cho rằng: Việc vay mượn giữa vợ chồng ông và ông Q là vay nhiều lần và thực chất khoản vay này chỉ vay nợ gốc là 35.000.000đ nhưng ông Q gộp lãi vào gốc để buộc vợ chồng ông Y và bà H ký vào. Xét thấy lời khai này của bị đơn không được nguyên đơn ông Q thừa nhận; và phía bị đơn cũng không xuất trình chứng cứ gì để chứng minh cho lời khai của mình. Vì vậy, cấp sơ thẩm không chấp nhận lời khai của ông Y và bà H là có căn cứ.

[2.3] Về lãi suất: Bản án sơ thẩm tính lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 là 10%/năm (0,83%/tháng) tính từ ngày vay là

ngày 16/01/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 24/9/2020 là 20 tháng 08 ngày, cụ thể: $110.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times (20 \text{ tháng } 8 \text{ ngày}) = 18.503.466đ$ là đúng đắn.

Do đó, cần buộc bà ông Y và bà H có trách nhiệm trả cho ông Lê Văn Q số tiền 128.503.466đ (trong đó: 110.000.000đ tiền gốc và 18.503.466đ tiền lãi).

[2.4] Án sơ thẩm tuyên về lãi suất sau khi xét xử là: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 là sai sót nên cần điều chỉnh lại cho đúng và cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm. Bởi lẽ: Trong giấy vay tiền đề ngày 16/01/2019 không thể hiện lãi suất, nhưng nguyên đơn cho rằng thỏa thuận 2%/tháng nhưng chưa trả khoản nào; phía bị đơn cho rằng có lãi suất nhưng không xác định rõ mức lãi suất. Như vậy, về bản chất các bên có thỏa thuận lãi suất nhưng có tranh chấp về lãi suất. Do đó, về thời gian tính lãi suất từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm đến khi thi hành án xong cho đúng với quy định của pháp luật.

Từ các phân tích và nhận định trên Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy kháng cáo của bị đơn ông Y là không có căn cứ để chấp nhận, cần giữ nguyên án sơ thẩm là phù hợp.

[3] Về án phí:

[3.1] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Do được chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện nên nguyên đơn ông Lê Văn Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Y và bà H phải chịu 6.425.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

[3.2] *Về án phí dân sự phúc thẩm*: Do không được chấp nhận đơn kháng cáo nên bị đơn ông Y phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Y - Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2020/DSST ngày 24/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 6, Điều 18,

khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Q.

Buộc ông Y và bà H trả cho ông Lê Văn Q số nợ 128.503.466đ (trong đó nợ gốc 110.000.000đ và nợ lãi 18.503.466đ).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015.

[2] Về án phí:

[2.1] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Ông Lê Văn Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại 2.750.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2019/0004039 ngày 26/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Ông Y và bà H phải chịu 6.425.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

[2.2] *Về án phí dân sự phúc thẩm:* Ông Y phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ 300.000đ tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số AA/2019/0016091 do ông Y nộp ngày 15/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, Điều 7, và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THA huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Trần Anh Tuấn